

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2021/DS-ST**
Ngày 31/12/2021
V/v tranh chấp "*Hợp đồng
mua bán*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp "*hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, thông báo mở lại phiên tòa số 344/TB.TA ngày 25/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số , ấp H, xã Đ, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Bà B2, sinh năm 1975;

- Bà B1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện TS, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên*

đơn là ông N1 trình bày như sau:

Ông mở dịch vụ mua bán, trao đổi xe honda gắn máy trên địa bàn xã Thoại Giang. Vào ngày 11/8/2019, bà B2 có mua của ông 01 chiếc xe wave Alpha màu xanh, biển số 67 B1 – 27059 với giá 14.000.000 đồng. Bà B2 có trả trước cho ông 4.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Đến cùng ngày 11/8/2019, bà B2 có dẫn bà B1 đến cửa hàng của ông để bà B1 mua 01 chiếc xe Future II, biển số 67 L2 – 21459 với giá 18.000.000 đồng. Bà B1 trả trước cho ông 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 14.000.000 đồng sẽ trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, thời hạn góp là 59 ngày. Sau đó, bà B1 có trả góp cho ông được 10 ngày với số tiền tổng cộng là 2.500.000 đồng thì ngưng góp tới nay. Tổng cộng bà B1 đã trả cho ông được 6.500.000 đồng nên hiện nay còn nợ ông 11.500.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu bà B2 và bà B1 cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền tổng cộng là 21.500.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện ông yêu cầu bà B2 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng và bà B1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 11.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ 11/8/2019 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, ông Tiền rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Ông yêu cầu bà B2 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 9.700.000 đồng và bà B1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 11.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ 22/8/2019 đến ngày xét xử.

* Bà B2, bà B1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được. Bà B2 và bà B1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà B2 trả số tiền vốn 9.700.000 đồng và tiền lãi là 2.262.428 đồng; bà B1 trả số tiền vốn 11.500.000 đồng và tiền lãi là 2.682.260 đồng cho nguyên đơn ông N1; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000 đồng nguyên đơn tự nguyện rút. Các bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông N1 yêu cầu bà B2 và bà B1 trả nợ tiền mua bán xe nên đây được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà B2 và bà B1 có nơi cư trú tại ấp Bắc Thạnh, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bà B2 và bà B1 (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B1, bà B2.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông yêu cầu bà B2 trả cho ông số tiền 9.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/8/2019 đến ngày xét xử. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông N1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông N1 yêu cầu bà B1 trả số tiền 11.500.000 đồng, HĐXX xét thấy: Ông N1 cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán trao đổi mua bán xe cũ trả góp ngày 11/8/2019 giữa ông với bà B1. Tại hợp đồng thể hiện, bà B1 có mua 01 chiếc xe Future II, biển số 67 L2 – 21459 với giá 18.000.000 đồng. Bà B1 trả trước cho ông 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 14.000.000 đồng sẽ trả góp mỗi ngày 250.000 đồng. Hợp đồng trao đổi mua bán xe cũ trả góp ngày 11/8/2019 ký kết giữa ông N1 và bà B1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía ông N1 khởi kiện là có cơ sở phù hợp Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

Đối với yêu cầu của ông N1 yêu cầu bà B2 trả số tiền 10.000.000 đồng, HĐXX xét thấy: hợp đồng mua bán trao đổi mua bán xe cũ trả góp ngày

11/8/2019 giữa ông với bà B1 có chèn bổ sung dòng chữ “Họ tên: N.T.D B2 mua dùm 1 xe Wave (Quây Anh pha) giá 14.000.000 triệu”. Theo ông N1 trình bày việc ghi bổ sung này là do bà B2 đồng ý thống nhất ký tên nên ông không làm hợp đồng riêng mà ghi chèn chung với hợp đồng của bà B1. Ngoài hợp đồng mua bán này, bà B2 còn ký biên nhận nợ xác nhận còn nợ ông 10.000.000 đồng vào ngày 24/11/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà B1 và bà B2 tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà B1 và bà B2 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do bà B1 và bà B2 vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*” nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Giữa ông T và bà B1, bà B2 không thỏa thuận lãi suất chậm trả nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, mức lãi suất quá hạn là 10%/ năm, tương đương 0,833%/tháng. Số tiền lãi tính từ ngày 22/8/2019 đến ngày 31/12/2021 là 28 tháng (đã làm tròn 9 ngày), cụ thể được tính như sau:

- Đối với bà B1:

$11.500.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 2.682.260 \text{ đồng};$

- Đối với bà B2:

$9.700.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 2.262.468 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà B1 có trách nhiệm trả cho ông tổng cộng vốn và lãi là 14.182.000 đồng và bà B2 có trách nhiệm trả cho ông tổng cộng vốn và lãi là 11.962.000 đồng (đã làm tròn số).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N1:

Buộc bà B1 có trách nhiệm trả cho ông N1 số tiền vốn là 11.500.000đồng, lãi là 2.682.000đồng, tổng cộng là 14.182.000 đồng (mười bốn triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng);

Buộc bà B2 có trách nhiệm trả cho ông N1 số tiền vốn là 9.700.000đồng, lãi là 2.262.000đồng, tổng cộng là 11.962.000đồng (mười một triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông N1 đối với yêu cầu bà B2 trả số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi suất từ ngày 11/8/2019 đến ngày 22/8/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông N1 số tiền 538.000đồng (năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008164 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thoại Sơn.

Bà B1 phải chịu 709.000đồng (bảy trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B2 phải chịu 598.000đồng (năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B1 và bà B2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân